



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): N131.02L/0425

Tên phương tiện đo (Object): **KÍCH THỦY LỰC**

(HYDRAULIC CYLINDERS)

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 35915

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Khả năng tạo tải tối đa (Capacity): 500 kN

- Bộ bơm thủy lực: + Kiểu (Type): N/A

+ Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

(Set of hydraulic pump) + Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): N/A

- Đồng hồ đo áp suất: + Kiểu (Type): Lò xo ống

+ Nơi sản xuất (Manufacturer): Micro

(Pressure gauge) + Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 142768E

+ Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 60) MPa

+ Giá trị vạch chia (Division): 0,2 MPa

+ Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25L/02A

Cơ sở sử dụng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer)

Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi Hiệu chuẩn:

**CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC AN GIANG-NHÀ MÁY CẦU KIẾN BÊ TÔNG AN GIANG**

(Place of Calibration)

Khóm Vĩnh Hưng, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 06 : 2022 Kích thủy lực, máy (dàn) ép cọc thủy lực - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Description)

Liên kết chuẩn (Traceability)

Hiệu Lực (Due Date)

05L/HC

Load cell 1000 kN

VMI

7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (29,9 ÷ 30,6) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)

Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25L/02

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

**P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

*D.* (Head of Metrology)

**K.T. GIÁM ĐỐC**

*V.* (Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): N131.02L/0425

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) MPa	Giá trị tính toán (Calculated value) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal. device) kN	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0,0	/	0,00	/
10,0	88,07	91,34	1,98
15,0	127,44	130,76	1,62
20,0	166,81	171,85	1,73
25,0	206,18	210,11	1,44
30,0	245,54	245,79	1,20
35,0	284,91	284,39	1,20
40,0	324,28	323,18	1,21
45,0	363,65	360,50	1,25
50,0	403,02	401,32	1,21

- Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation):  $y = 7,8736x + 9,3364$

Với (With): y: Giá trị tính toán, kN  
(y: Calculated value, kN)  
x: Giá trị đọc trên phương tiện đo, MPa  
(x: Reading on tester, MPa)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%  
(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): N131.03L/0425

Tên phương tiện đo (Object): **KÍCH THỦY LỰC**

(HYDRAULIC CYLINDERS)

Kiểu (Type): HT-150

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 665-5

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Năm sản xuất (Year): 2018

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Khả năng tạo tải tối đa (Capacity): 2000 kN

- Bộ bơm thủy lực: + Kiểu (Type): N/A

+ Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

(Set of hydraulic pump) + Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): N/A

- Đồng hồ đo áp suất: + Kiểu (Type): Lò xo ống

+ Nơi sản xuất (Manufacturer): Micro

(Pressure gauge) + Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 176164D

+ Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 60) MPa

+ Giá trị vạch chia (Division): 0,2 MPa

+ Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25L/03A

Cơ sở sử dụng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer)

Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi Hiệu chuẩn:

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**

(Place of Calibration)

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện:

ĐLCT 06 : 2022 Kích thủy lực, máy (dàn) ép cọc thủy lực - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Description)

Liên kết chuẩn (Traceability)

Hiệu Lực (Due Date)

06L/HC

Load cell 3000 kN

VMI

7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (29,5 ÷ 29,9) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)

Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25L/03

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 28-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 28-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

D. (Head of Metrology)

K.T. **GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Nghị

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): N131.03L/0425

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) MPa	Giá trị tính toán (Calculated value) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal. device) kN	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0,0	/	0,00	/
10,0	428,19	430,74	1,00
15,0	637,76	645,17	1,00
20,0	847,34	851,89	1,00
25,0	1056,91	1056,44	1,00
30,0	1266,49	1268,15	1,00
35,0	1476,07	1473,77	1,00
40,0	1685,64	1687,05	1,00
42,0	1769,47	1763,33	1,00
45,0	1895,22	1895,58	1,00

- Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation):  $y = 41,9152x + 9,0332$

Với (With):  
y: Giá trị tính toán, kN  
(y: Calculated value, kN)  
x: Giá trị đọc trên phương tiện đo, MPa  
(x: Reading on tester, MPa)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%  
(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): N131.05L/0425

Tên phương tiện đo (Object): **VÒNG LỰC (LOAD RING)**  
Kiểu (Type): N/A  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): E1651 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): - Khả năng đo tối đa (Capacity): 50 kN  
- Đồng hồ so (Dial indicator): + Kiểu (Type): N/A  
+ Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): F123085  
+ Cơ sở sản xuất (Manufacturer): China  
+ Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
+ Giá trị vạch chia (Division): 0,01 mm  
+ Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25L/05A

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: T8-T9 Phan Văn Trị, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
(Place of calibration)

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 108 : 2002 Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
03L/HC	Load Cell 75 kN	VMI	7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (27,3 ÷ 27,8) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25L/05

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

D. (Head of Metrology)

Lâm Quốc Dương

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

HỒ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): N131.05L/0425

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester</i> mm	Giá trị tính toán <i>Calculated value</i> kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on cal. device</i> kN	Độ không đảm bảo đo <i>Uncertainty</i> %
0,00	/	0,000	/
0,50	10,986	10,964	0,50
0,75	16,405	16,453	0,50
1,00	21,824	21,953	0,50
1,25	27,242	27,276	0,50
1,50	32,661	32,628	0,50
1,75	38,080	38,366	0,50
2,00	43,499	43,443	0,50
2,25	48,918	48,679	0,50

- Phương trình hiệu chuẩn (*The calibration equation*):  $y = 21,6751x + 0,1486$

+ Với (*With*)  $y$ : Giá trị tính toán (*Calculated value*), kN

$x$ : Giá trị đọc trên phương tiện đo (*Reading value*), mm

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo ĐLVN 108:2002. Cấp chính xác 1

(*This Instrument has been calibrated complying with ĐLVN 108:2002. Accuracy class 1*)

- Sai số cho phép:  $\pm 1\%$  giá trị đọc.

(*Permitted error:  $\pm$  % reading value*).

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(*The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level*)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(*This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities*)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(*This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments*)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(*This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho*)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): N131.04L/0425

Tên phương tiện đo (Object): **VÒNG LỰC (LOAD RING)**  
Kiểu (Type): N/A  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): A0163 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): - Khả năng đo tối đa (Capacity): 30 kN  
- Đồng hồ so (Dial indicator): + Kiểu (Type): N/A  
+ Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 0526667  
+ Cơ sở sản xuất (Manufacturer): China  
+ Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 5) mm  
+ Giá trị vạch chia (Division): 0,01 mm  
+ Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25L/04A

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: T8-T9 Phan Văn Trị, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
(Place of calibration)

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 108 : 2002 Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
03L/HC	Load Cell 75 kN	VMI	7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (27,4 ÷ 27,5) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25L/04

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)

Lâm Quốc Dương

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): N131.04L/0425

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester</i> mm	Giá trị tính toán <i>Calculated value</i> kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on cal. device</i> kN	Độ không đảm bảo đo <i>Uncertainty</i> %
0,00	/	0,000	/
0,50	6,063	6,074	0,50
0,75	9,054	9,068	0,50
1,00	12,046	12,090	0,50
1,25	15,037	15,099	0,50
1,50	18,028	18,065	0,50
1,75	21,019	21,027	0,50
2,00	24,010	23,979	0,50
2,25	27,001	26,937	0,50

- Phương trình hiệu chuẩn (*The calibration equation*):  $y = 11,9647x + 0,0808$

+ Với (*With*)  $y$ : Giá trị tính toán (*Calculated value*), kN

$x$ : Giá trị đọc trên phương tiện đo (*Reading value*), mm

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo ĐLVN 108:2002. Cấp chính xác 1

(*This Instrument has been calibrated complying with ĐLVN 108:2002. Accuracy class 1*)

- Sai số cho phép:  $\pm 1\%$  giá trị đọc.

(*Permitted error:  $\pm$  % reading value*).

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(*The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level*)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(*This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities*)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(*This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments*)

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(*This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho*)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): N131.06K/0425

Tên phương tiện đo (Object): **Cân phân tích (Analytical balance)**  
Kiểu (Type): PA214  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): B641138497 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Ohaus Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
- Mức cân lớn nhất (Max. capacity): 210 g  
- Mức cân nhỏ nhất (Min. capacity): 0,1 g  
- Giá trị độ chia (Division): 0,0001 g

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Place of calibration) Số 6, đường số 4, KĐT Cồn Tiên, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: **ĐLCT 01 : 2022 Cân cấp chính xác I và II - Quy trình hiệu chuẩn**  
(Method of calibration) (Balance of class I and II - Calibration procedure)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
01K/HC	Bộ quả cân chuẩn (Set of weights) E <sub>2</sub>	Trung Tâm Đo Lường	4-2027

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (26,2 ÷ 26,3) °C (53 ÷ 54) %RH  
- Nhiệt độ thay đổi không vượt quá (The change in temperature should not exceed): ± 0,5 °C/h

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25K/06

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

D. (Head of Metrology)

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lâm Quốc Dương**

**Nguyễn Hữu Nghị**



Trang:  
(No of Paper)

A12

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): N131.06K/0425

### 1. Độ lặp lại (Repeatability):

Mức cân (Load), g	Độ lệch chuẩn (Standard deviation of reading), g
100	0,00000
200	0,00000

### 2. Độ lệch tâm (Eccentricity):

Mức cân (Load), g	100				
Vị trí đặt tải (Load position)	G	1	2	3	4
Sai lệch (difference), g	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	-0,0001
Lệch tâm lớn nhất, g (Maximum difference)	0,0001				

Sơ đồ (Sketch):

### 3. Độ đúng (Accuracy):

Mức cân (Load) g	Gía trị đọc mức cân (Balance Reading) g	Số hiệu chỉnh (Correction) g	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) mg
0,1	0,1000	0,0000	0,082
1	1,0000	0,0000	0,083
5	5,0000	0,0000	0,084
10	10,0000	0,0000	0,085
20	20,0000	0,0000	0,089
50	50,0000	0,0001	0,11
100	100,0000	0,0001	0,16
200	199,9999	0,0001	0,27

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo OIML R 76-1 : 2006. Cấp chính xác I  
(This Instrument has been calibrated complying with OIML R 76-1:2006. Accuracy class I)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%  
(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG  
CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình,  
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT : 0775.992665 - 0909.992665  
Email : doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 0043 /DTD/2025

Tên đối tượng:

MÁY ĐO ĐIỆN TRỞ TIẾP ĐẤT

Object:

Kiểu:

4105A

Số:

W8221530

Type:

Serial No:

Nơi sản xuất:

KYORITSU - Thái Lan

Năm:

Không rõ

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

- Phạm vi đo:

(0 ÷ 1999) Ω

Specifications:

Measuring range:

Nơi sử dụng:

Số 15/15 khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Place:

Người/Đơn vị sử dụng:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU

User:

Phương pháp thực hiện:

ĐLVN 143: 2019 Phương tiện đo điện trở tiếp đất -

Method of verification:

Quy trình kiểm định

Kết luận:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định:

65A 10258

Verification stamp N<sup>o</sup>:

Thời hạn đến: (\*)

30-6-2026


Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 20 tháng 6 năm 2025

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

  
Nguyễn Văn Luân

K.T. GIÁM ĐỐC  
Director



  
Nguyễn Hữu Nghị

(\*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)

# KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

## VERIFICATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 0043 /DTD/2025

Đặc trưng đo lường (Specifications):

Thang đo <i>Level</i>	Phạm vi đo <i>Measuring range</i>	Sai số cho phép của nhà sản xuất <i>Manufacturer's allowable deviation</i>
20 Ω	(0,00 ÷ 19,99) Ω	± 2 % giá trị đọc ± 0,1 Ω
200 Ω	(0,0 ÷ 199,9) Ω	± 2 % giá trị đọc ± 3 dgt (lớn hơn 20 Ω)
2000 Ω	(0 ÷ 1999) Ω	



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): N131.13C/0425

Tên phương tiện đo (Object): **BÚA THỬ BÊ TÔNG** (CONCRETE TEST HAMMER)

Kiểu (Type): HTH-20

Số hiệu (Serial No): H02307218

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): HUATEC

Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Phạm vi đo (Range): (10 ÷ 100) R

- Độ phân giải (Resolution): 2 R

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Place of calibration) Số 6, đường số 4, KĐT Cồn Tiên, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 150 : 2004 - Thiết Bị Thử Cường Độ Bê Tông Bằng Phương Pháp Bật Nảy - Quy Trình Hiệu Chuẩn

(Method of calibration)

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,5 ÷ 28,6) °C

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Description)

01C/HC

Đe chuẩn (Calibration anvil)

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)

Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25C/13

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

**P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

*D.* (Head of Metrology)

**K.T. GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): N131.13C/0425

Kết quả (Results):

Giá trị bật nảy của đe chuẩn (Rebound value of calibration anvil)	Giá trị chỉ thị trên thiết bị, R (The value is only visible on the device), R											Sai số tuyệt đối (Absolute error)	
	1 st	2 nd	3 rd	4 th	5 th	6 th	7 th	8 th	9 th	10 th	TB (Average)		
R													R
( 82 ± 2 )	80	81	80	81	82	80	80	81	80	81	80,6	-1,4	

Sai số cho phép (Permitted error) :  $\pm 2 R$

Độ không đảm bảo đo mở rộng với  $k=2$ , Mức tin cậy 95% :  $U = 2,10 R$

(Expanded uncertainty of measurement with  $k=2$ , at 95% confidence level) :  $U = 2,10 R$

*Handwritten mark*

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): N131.14C/0425

Tên phương tiện đo (Object): **BÚA THỬ BÊ TÔNG** (CONCRETE TEST HAMMER)

Kiểu (Type): C386N

Số hiệu (Serial No): C386N/AP/0101

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Matest

Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Phạm vi đo (Range): (10 ÷ 120) R

- Độ phân giải (Resolution): 1 R

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Place of calibration) Số 6, đường số 4, KĐT Cồn Tiên, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 150 : 2004 - Thiết Bị Thử Cường Độ Bê Tông Bằng Phương Pháp Bật Nảy - Quy Trình Hiệu Chuẩn

(Method of calibration)

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,4 ÷ 28,7) °C

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Description)

01C/HC

Đe chuẩn (Calibration anvil)

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)

Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25C/14

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

**P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)

**K.T. GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): N131.14C/0425

Kết quả (Results):

Giá trị bật nảy của đe chuẩn (Rebound value of calibration anvil)	Giá trị chỉ thị trên thiết bị, R (The value is only visible on the device), R											Sai số tuyệt đối (Absolute error)
	1 st	2 nd	3 rd	4 th	5 th	6 th	7 th	8 th	9 th	10 th	TB (Average)	
R												R
(82 ± 2)	82	81	82	81	81	82	81	82	81	81	81,4	-0,6

Sai số cho phép (Permitted error) : ± 2 R

Độ không đảm bảo đo mở rộng với k=2, Mức tin cậy 95% : U = 2,04 R

(Expanded uncertainty of measurement with k=2, at 95% confidence level) : U = 2,04 R

72

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC : ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, Khu vực 1, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

ĐT : 0775.992665 - 0909.992665 - Email : doluongcantho@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA KỸ THUẬT

TECHNICAL INSPECTION CERTIFICATE

Số (N<sub>0</sub>): 13124/KĐ.DL CANTHO

### 1. Thiết bị (Equipment): MÁY SIÊU ÂM BÊ TÔNG

- Mã hiệu (Model) : C369N
- Số chế tạo (Serial no) : C369N/AD/0032
- Nhà chế tạo (Manufacturer) : ITALY
- Năm chế tạo (Manufacturer year) : Không rõ

### 2. Thông số kỹ thuật cơ bản (Basic technological parameters on)

- Khoảng đo (Measuring range) : (0 ÷ 3000)  $\mu$ s
- Độ chính xác (Accuracy) : 0,1  $\mu$ s
- Biên độ xung (Pulse amplitude) : (200 ÷ 1000) v
- Trọng lượng (Gross weight) : 0,5 kg

### 3. Thuộc đơn vị (The present user): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU

Địa chỉ (Add): Số 15/15 khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### 4. Kết quả: Thiết bị đã được kiểm tra kỹ thuật, các thông số kỹ thuật đảm bảo yêu cầu theo thiết kế của nhà chế tạo. Thiết bị đủ điều kiện để đưa vào sử dụng

(The equipment has been tested technically, the technical parameters ensure the requirements according to the manufacturer's design. Equipment is eligible to put into use).

5. Ngày kiểm tra (Inspection date) : 24-4-2025

6. Tem (Label) : N131.25/24

7. Ngày kiểm tra kế tiếp (Next test date) : 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Người Thực hiện  
(Inspector)

Lâm Quốc Dương

K.T. GIÁM ĐỐC  
V. (Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC : ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, Khu vực 1, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

ĐT : 0775.992665 - 0909.992665 - Email : doluongcantho@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA KỸ THUẬT

TECHNICAL INSPECTION CERTIFICATE

Số (N<sub>0</sub>): 13128/KĐ.DL CANTHO

### 1. Thiết bị (Equipment): MÁY GÔNG TỪ

- Mã hiệu (Model) : MP-A2D
- Số chế tạo (Serial no) : MP 3094
- Nhà chế tạo (Manufacturer) : KDE
- Năm chế tạo (Manufacturer year) : Không rõ

### 2. Thông số kỹ thuật cơ bản (Basic technological parameters on)

- Nguồn điện (Electric supply) : DC 12V
- Công suất (Rated output) : 60 Hz
- Kích thước bao (Dimension LxWxH) : (195 x 182 x 48) mm
- Chiều dày dây cáp nguồn (Power cable thickniss) : 110 mm
- Khoảng cách giữa hai tâm cực từ (Distance between two centers) : 130 mm

### 3. Thuộc đơn vị (The present user): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU

Địa chỉ (Add): Số 15/15 khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

4. Kết quả: Thiết bị đã được kiểm tra kỹ thuật, các thông số kỹ thuật đảm bảo yêu cầu theo thiết kế của nhà chế tạo. Thiết bị đủ điều kiện để đưa vào sử dụng

(The equipment has been tested technically, the technical parameters ensure the requirements according to the manufacturer's design. Equipment is eligible to put into use).

5. Ngày kiểm tra (Inspection date) : 24-4-2025

6. Tem (Label) : N131.25/28

7. Ngày kiểm tra kế tiếp (Net test date) : 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Người Thực hiện  
(Inspector)

Lâm Quốc Dương

K.T. GIÁM ĐỐC  
(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Máy đã mất 12/12/25



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No) : N131.11D/0425

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY ĐO KÉO DÀI NHỰA ĐƯỜNG**

*EQUIPMENT FOR MEASURING BITUMEN STRATCH*

Kiểu (Type): SY-2

Số hiệu (Serial No): 16016

Nơi sản xuất (Manufacturer): N/A

Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật: + Phạm vi đo (Range): ( 0 ÷ 1500 ) mm

(Specifications) + Vận tốc kéo (Testing speed): 50 mm/min

+ Chỉ thị hiện số (Digital Indicator)

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: T8-T9 Phan Văn Trị, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

(Place of calibration)

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 24 : 2022 Máy kéo dẫn dài - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used) :

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Description)

Liên kết chuẩn (Traceability)

12D/HC

Đồng hồ bấm giây

TRUNG TÂM VÙNG 3

(Stop-watch)

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment) : (27,4 ÷ 27,4) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment) :  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results) : Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label) : N131.25D/11

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) : 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date) : 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

D. (Head of Metrology)

K.T. **GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No) : N131.11D/0425

Vận tốc kéo trung bình, mm/ph	Theo TCVN 7496: 2005
51	(50 ± 2,5) mm/ph

12

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No) : N131.10D/0425

Tên phương tiện đo (Object): **DỤNG CỤ XÁC ĐỊNH ĐỘ KIM LÚN**  
Kiểu (Type): DF-6 Số hiệu (Serial No): 160269A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thanh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Nơi hiệu chuẩn: **CN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Place of calibration) Số 6, đường số 4, KĐT Cồn Tiên, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang  
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 12 : 2022 Quy trình hiệu chuẩn dụng cụ xác định độ kim lún  
(Method of calibration)  
Chuẩn được sử dụng (Standards used) :

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)
108K/HC	Cân kỹ thuật	ĐL Cần Thơ
06D/HC	Micrometer	ĐL Cần Thơ
07D/HC	Thước cặp	ĐL Cần Thơ

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment) : (28,2 ÷ 28,5) °C (55 ÷ 56) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment) :  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results) : Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label) : N131.25D/10

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) : 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date) : 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

D. (Head of Metrology)

K.T. **GIÁM ĐỐC**

(Director) **PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lâm Quốc Dương**



**Nguyễn Hữu Nghị**

Trang:  
(No of Paper)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No) : N131.10D/0425

Kết quả kiểm tra (Test results)		Theo TCVN 7495: 2005
1. Trọng lượng (g)		
Trọng lượng kim và chốt kẹp	50,02	(50 ± 0,05) g
Trọng lượng quả cân 50g	50,02	(50 ± 0,05) g
Trọng lượng quả cân 100g	100,00	(100 ± 0,05) g
2. Kích thước vòng đai và kim xuyên (mm)		
Chiều dài nhìn thấy của kim	41,45	(40 ÷ 45) mm
Đường kính kim	1,00	(1,00 ÷ 1,02) mm
Đường kính mũi kim	0,15	(0,14 ÷ 0,16) mm
Chiều dài vòng đai	38,20	(38 ± 1) mm
Đường kính vòng đai	3,18	(3,20 ± 0,05) mm

### 3. Cốc đựng mẫu (Sample cup) : (mm)

#### 3.1 Cốc mẫu 1

Đường kính  
Chiều sâu

35,02
55,04

*Handwritten signature*

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: dologcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No): N131.12D/0425

Tên phương tiện đo (Object): **THIẾT BỊ XÁC ĐỊNH ĐIỂM HÓA MỀM NHỰA**

(Bitumen - device for determining softening point)

Kiểu (Type): DF-12

Số hiệu (Serial No): 160102B

Nơi sản xuất (Manufacturer): China

Năm sản xuất (Year): N/A

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Place of calibration) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 23 : 2022 Dụng cụ xác định điểm hoá mềm nhựa - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)
06D/HC	Micrometer	ĐL Cần Thơ
07D/HC	Thước cặp	ĐL Cần Thơ
108K/HC	Cân điện tử	ĐL Cần Thơ

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (27,6 ÷ 27,9) °C; (53 ÷ 56) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25D/12

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

D. (Head of Metrology)

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Lâm Quốc Dương

Trang:  
(No of Paper)

112

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): N131.12D/0425

### 1. Bi thép

Kết quả	Giá trị trung bình		Theo TCVN 7497 : 2005
	viên 1	viên 2	
Đường kính (mm)	9,50	9,50	9,5 mm
Trọng lượng (g)	3,50	3,50	3,50 ± 0,05 g

### 2. Cốc thủy tinh

Kết quả	Giá trị trung bình	Theo TCVN 7497 : 2005
Đường kính trong (mm)	86,27	≥ 85 mm
Chiều cao (mm)	122,26	≥ 120 mm

12

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No): N131.22N/0425

Tên phương tiện đo (Object):

**NHIỆT KẾ THỦY TINH CHẤT LỎNG**

(LIQUID-IN-GLASS THERMOMETER)

Kiểu (Type):

GB514

Số hiệu (Serial N°):

92

Mã nhận dạng (ID):

N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer):

China

Năm sản xuất (Year):

N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):

- Phạm vi nhiệt độ (Range): (0 ÷ 400) °C

- Giá trị độ chia (Division value): 2 °C

- Loại (Type): Thủy ngân (Mercury); Nhúng sâu (Immersion) 25 mm

Cơ sở sử dụng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẠU**

(Customer)

Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn:

**CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**

(Place of calibration)

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp hiệu chuẩn:

ĐLVN 137: 2004 Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng - Quy trình Hiệu chuẩn

(Method of Calibration)

(Liquid in glass thermometers - Methods of Calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Description)

Liên kết chuẩn (Traceability)

Hiệu lực (Due Date)

23N/HC

Nhiệt kế chuẩn

Quatest 3

05-2025

06N/HC

Bể nhiệt chuẩn

ĐL Cần Thơ

02-2026

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment):

(25,3 ÷ 25,6) °C

(54 ÷ 56) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):

Không (No)

Có (Yes)

Kết quả (Results):

Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label):

N131.25N/22

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

25-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date):

25-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

D. (Head of Metrology)

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lâm Quốc Dương

Nguyễn Hữu Nghị



Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): N131.22N/0425

Giá trị chuẩn (Reference values) °C	Giá trị đọc trung bình (Average reading values on tester) °C	Số hiệu chỉnh (Correction) °C	Độ không đảm bảo đo (U) (Measurement Uncertainty) (U) °C
60,012	60	0,012	0,60

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%  
(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No): N131.07N/0425

Tên phương tiện đo (Object): **BỂ ĐIỀU NHIỆT (Máy đo độ nhớt)**  
(Water Bath)

Kiểu (Type): TBTWSY-08

Số hiệu (Serial No): 081G0718

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China

Năm sản xuất (Year): 2017

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Phạm vi nhiệt độ (Range): 100 °C (Max)

- Bộ hiển thị nhiệt độ (Temperature display set):

+ Chỉ thị hiện số (Digital Indicator):

+ Giá trị độ chia (Division value): 0,01 °C

- Kích thước bên trong (Internal dimension): (Ø30x30) cm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: T8-T9 Phan Văn Trị, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

(Place of calibration)

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 29 : 2024 Bể nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration) (Liquid Bath - Methods of Calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
23N/HC	Nhiệt kế chuẩn (Digital temperature recorder)	Quatest 2	05-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,1 ÷ 28,6) °C (54 ÷ 58) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25N/07

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

D. (Head of Metrology)

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

Lâm Quốc Dương

Nguyễn Hữu Nghị



Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): N131.07N/0425

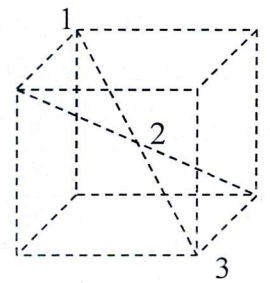
Nhiệt độ đặt <i>Set Temperature</i> °C	Giá trị chỉ thị trung bình <i>Average Indication Value</i> °C	Giá trị trung bình chuẩn <i>Average Reference Value</i> °C	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i> °C	Độ đồng đều <i>Uniformity</i> °C	Độ ổn định/30 min <i>Stability/30 min</i> °C	Độ không đảm bảo đo <i>Uncertainty</i> °C
60	60,00	59,99	-0,009	± 0,97	± 0,51	1,27

**BẢNG SỐ LIỆU (DATA TABLE)**

Nhiệt độ đặt <i>Set Temperature</i> °C	Thời điểm kiểm tra (*) <i>Checking time</i> (lần đo thứ $j = 1, \dots, m$ )	Giá trị chỉ thị <i>Indication Value</i> °C	Giá trị chuẩn, °C <i>Reference Value, °C</i>		
			Vị trí 1 ( <i>Posit 1</i> )	Vị trí 2 ( <i>Posit 2</i> )	Vị trí 3 ( <i>Posit 3</i> )
60	1	60,00	60,031	61,002	59,004
	2	60,00	60,023	61,010	59,005
	3	60,00	60,034	61,014	59,006
	4	60,00	60,020	60,999	58,995
	5	60,00	60,042	61,005	59,010
	6	60,00	60,020	61,010	59,008
	7	60,00	60,035	61,005	58,995
	8	60,00	60,035	61,009	59,005
	9	60,00	60,022	61,010	58,996
	10	60,00	60,021	61,001	59,015
	11	60,00	60,040	61,016	58,998
	12	60,00	60,029	61,006	59,007
	13	60,00	60,024	61,014	58,995
	14	60,00	60,025	61,007	59,014
	15	60,00	60,033	60,002	58,994

(\*) : Sau khi nhiệt độ đã ổn định  
(After the temperature has reached the steady state value)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%  
(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang: (No of Paper)  2/12	Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ (This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)
-------------------------------------	--



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No): N131.08N/0425

Tên phương tiện đo (Object): **BỂ ĐIỀU NHIỆT (Máy xác định hàm lượng Paraphin)**  
(Water Bath)

Kiểu (Type): SYD-0615

Số hiệu (Serial No): ZZ0006151612012

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China

Năm sản xuất (Year): 2016

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Phạm vi nhiệt độ (Range): (-30 ÷ 40) °C

- Bộ hiển thị nhiệt độ (Temperature display set):

+ Chỉ thị hiện số (Digital Indicator):

+ Giá trị độ chia (Division value): 0,1 °C

- Kích thước bên trong (Internal dimension): (Ø30x30) cm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: T8-T9 Phan Văn Trị, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

(Place of calibration)

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 29 : 2024 Bể nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration) (Liquid Bath - Methods of Calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
23N/HC	Nhiệt kế chuẩn (Digital temperature recorder)	Quatest 2	05-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,3 ÷ 28,4) °C (56 ÷ 59) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25N/08

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

D. (Head of Metrology)

Lâm Quốc Dương

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): N131.08N/0425

Nhiệt độ đặt <i>Set Temperature</i> °C	Giá trị chỉ thị trung bình <i>Average Indication Value</i> °C	Giá trị trung bình chuẩn <i>Average Reference Value</i> °C	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i> °C	Độ đồng đều <i>Uniformity</i> °C	Độ ổn định/30 min <i>Stability/30 min</i> °C	Độ không đảm bảo đo <i>Uncertainty</i> °C
-20	-20,0	-19,722	0,278	± 0,38	± 0,07	0,45

BẢNG SỐ LIỆU (DATA TABLE)

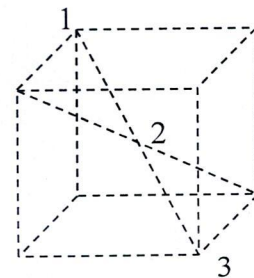
Nhiệt độ đặt <i>Set Temperature</i> °C	Thời điểm kiểm tra (*) <i>Checking time</i> (lần đo thứ $j = 1, \dots, m$ )	Giá trị chỉ thị <i>Indication Value</i> °C	Giá trị chuẩn, °C <i>Reference Value, °C</i>		
			Vị trí 1 (Posit 1)	Vị trí 2 (Posit 2)	Vị trí 3 (Posit 3)
-20	1	-20,0	-19,964	-19,998	-19,236
	2	-20,0	-19,964	-20,008	-19,238
	3	-20,0	-19,964	-20,007	-19,215
	4	-20,0	-19,968	-20,006	-19,221
	5	-20,0	-19,962	-19,990	-19,224
	6	-20,0	-19,970	-19,984	-19,228
	7	-20,0	-19,949	-19,979	-19,209
	8	-20,0	-19,971	-19,971	-19,226
	9	-20,0	-19,955	-19,973	-19,218
	10	-20,0	-19,952	-19,976	-19,215
	11	-20,0	-19,970	-19,983	-19,212
	12	-20,0	-19,962	-19,997	-19,228
	13	-20,0	-19,969	-19,990	-19,222
	14	-20,0	-19,963	-19,971	-19,217
	15	-20,0	-19,967	-19,866	-19,228

(\*) : Sau khi nhiệt độ đã ổn định

(After the temperature has reached the steady state value)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/12

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

# GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

## CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 1401 /APK/2025

Tên đối tượng:

ÁP KẾ LÒ XO

Object:

Kiểu:

Lò xo ống

Type:

Số/Mã nhận dạng: 23

Serial no/ID:

Nơi sản xuất:

China

Manufacturer:

Năm:

Không rõ

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Specifications:

- Phạm vi đo:

Measuring range:

(0 ÷ 35) kg/cm<sup>2</sup>

- Giá trị vạch chia:

Division:

1 kg/cm<sup>2</sup>

- Độ chính xác:

Accuracy:

2,5 % FS

Nơi sử dụng:

Place:

Số 15/15 khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới,

Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Người/Đơn vị sử dụng:

User:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU

Phương pháp thực hiện:

Method of verification:

ĐLVN 08 : 2011 Áp kế kiểu lò xo - Quy trình kiểm định

Kết luận:

Conclusion:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Số tem kiểm định:

Verification stamp N<sup>o</sup>:

65A 10257

Thời hạn đến: (\*)

Valid until:

30-6-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 20 tháng 6 năm 2025

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Lâm Quốc Dương

K.T. GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Hữu Nghị

(\*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of rules of use and maintenance)

# KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): N131.01L/0425

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY THỬ NÉN** (COMPRESSION TESTING MACHINE)

Kiểu (Type): TYA-300

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 007

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China

Năm sản xuất (Year): 2014

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): + Khả năng đo tối đa (Capacity): 300 kN

+ Giá trị độ chia (Division): 0,01 kN

+ Chỉ thị hiện số (Digital Indicator)

Cơ sở sử dụng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer)

Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn:

T8-T9 Phan Văn Trị, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

(Place of calibration)

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 109 : 2002 Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Description)

Liên kết chuẩn (Traceability)

Hiệu lực (Due Date)

04L/HC

Load Cell 300 kN

VMI

7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (29,1 ÷ 29,6) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):

Không (No)

Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25L/01

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

D. (Head of Metrology)

KT. **GIÁM ĐỐC**

N. (Director)

**Lâm Quốc Dương**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Nghị**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): N131.01L/0425

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal. device) kN	Sai số tương đối (Relative error) %	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0,00	0,000	/	/
30,00	29,985	0,05	0,5
60,00	60,086	-0,14	0,5
90,00	89,885	0,13	0,5
120,00	120,456	-0,38	0,5
150,00	150,761	-0,50	0,5
180,00	180,603	-0,33	0,5
210,00	211,207	-0,57	0,5
240,00	242,080	-0,86	0,5
270,00	271,662	-0,61	0,5

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo ĐLVN 109:2002. Cấp chính xác 1

(This Instrument has been calibrated complying with ĐLVN 109:2002. Accuracy class 1)

- Sai số cho phép:  $\pm 1\%$

(Permitted error:  $\pm 1\%$ ).

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ

(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC : ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, Khu vực 1, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

ĐT : 0775.992665 - 0909.992665 - Email : doluongcantho@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA**  
**CERTIFICATE OF MEASUREMENT AND TEST RESULTS**

Số (N<sup>o</sup>): N131.25/25

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY KHÁNG BỤC**

Kiểu (Type): **KD-KBV-100K**

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): **172904**

Mã nhận dạng (ID): **N/A**

Nơi sản xuất (Manufacturer) **Việt Nam**

Năm sản xuất (Year): **N/A**

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): + Khả năng đo tối đa (Capacity): **5000 kPa**

+ Giá trị độ chia (Division): **1 kPa**

+ Chỉ thị hiện số (Digital Indicator)

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer) **Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang**

Nơi đo, kiểm tra: **T8-T9 Phan Văn Trị, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang**

(Place of calibration)

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 76 : 2001 Áp kế, chân không kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn**

(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

<u>Mã số (ID)</u>	<u>Tên chuẩn (Description)</u>	<u>Liên kết chuẩn (Traceability)</u>	<u>Hiệu lực (Due Date)</u>
20A/KĐ	Đồng hồ áp suất chuẩn (0÷10) bar	QUATES 1	06-2025

Môi trường đo, kiểm tra (Calibration environment): **(27,5 ÷ 27,9) °C**

Kết quả (Results): **Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)**

Tem đo, kiểm tra (Calibration label): **N131.25/25**

Ngày đo, kiểm tra (Date of calibration): **24-4-2025**

Ngày khuyến nghị đo, kiểm tra tiếp theo (Recommended recalibration date) **24-4-2026**

**Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025**

(Date of issue)

**NGƯỜI THỰC HIỆN**

(Inspector)

**K.T. GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lâm Quốc Dương**



**Nguyễn Hữu Nghị**



# KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA

## Measurement & Inspection Results

Số (N<sup>o</sup>): N131.25/25

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) kPa	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal. device) kPa	Sai số tương đối (Relative error) %
500	500,1	-0,03
1000	1000,3	-0,03
1500	1500,3	-0,02
2000	2001,2	-0,06
2500	2503,5	-0,14
3000	3010,2	-0,34
3500	3510,4	-0,30
4000	4015,3	-0,38
4500	4348,3	3,49



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): N131.26L/0425

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY THỬ KÉO NÉN** (UNIVERSAL TESTING MACHINE)

Kiểu (Type): KDKN-171206

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): AFL0136

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Năm sản xuất (Year): 2014

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): + Khả năng đo tối đa (Capacity): 50 kN

+ Giá trị độ chia (Division): 0,005 kN

+ Chỉ thị hiện số (Digital Indicator)

Cơ sở sử dụng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer)

Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn:

T8-T9 Phan Văn Trị, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

(Place of calibration)

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 109 : 2002 Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Description)

Liên kết chuẩn (Traceability)

Hiệu Lực (Due Date)

03L/HC

Load Cell 75 kN

VMI

07-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,2 ÷ 28,6) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)

Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25L/26

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

**P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)

**K.T. GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): N131.26L/0425

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal. device) kN	Sai số tương đối (Relative error) %	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
5,000	5,030	-0,60	0,5
10,000	10,006	-0,06	
15,000	15,024	-0,16	
20,000	20,028	-0,14	
25,000	25,020	-0,08	
30,000	30,043	-0,14	
35,000	35,023	-0,06	
40,000	40,045	-0,11	
45,000	45,031	-0,07	

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo ĐLVN 109:2002. Cấp chính xác 1

(This Instrument has been calibrated complying with ĐLVN 109:2002. Accuracy class 1)

- Sai số cho phép:  $\pm 1 \%$

(Permitted error:  $\pm 1 \%$ ).

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): N131.20D/0425

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 15900 Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
 - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
 - Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
 (Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
 (Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
 (Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (26,3 ÷ 26,4) °C (57 ÷ 58) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25D/20

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 25-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 25-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

P. (Head of Metrology)

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Lâm Quốc Dương

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): N131.20D/0425

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	6 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	3 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	4 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	-4 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	3 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%.

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

12

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

12

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): N131.21D/0425

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**  
Kiểu (Type): N/A  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 15242 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm  
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)  
Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (26,5 ÷ 26,7) °C (57 ÷ 58) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25D/21

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 25-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 25-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)



VILAS 1265

Lâm Quốc Dương

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): N131.21D/0425

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	-3 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	-3 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	3 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%.

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): N131.15H/0425

Tên phương tiện đo (Object): **Máy đo pH (pH Meter)**

Kiểu (Type): HI98107

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): HA07171551

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): HANNA

Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Phạm vi đo (Range): 0,0 pH đến (to) 14,0 pH

- Độ phân giải (Resolution): 0,1 pH

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**

(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 34 : 2022 Phương tiện đo pH - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration) Calibration procedure for pH meter

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
1087471	Dung dịch chuẩn pH	CPA chem	3-2026
1087472	(pH Standard solutions)	CPA chem	3-2026
1087473		CPA chem	3-2026

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (23,5 ÷ 23,7) °C ; (62 ÷ 63) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25H/15

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

D. (Head of Metrology)

K.T. GIÁM ĐỐC

V. (Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Lâm Quốc Dương

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): N131.15H/0425

### 1. Kiểm tra sai số (Test of accuracy)

Nhiệt độ của dung dịch chuẩn (Temp. of Standard solution): 25° C

Giá trị chuẩn (Reference value)	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện đo (Reading average value on tester)	Sai số (Error)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)
pH	pH	pH	pH
4,00	4,00	0,00	0,059
7,00	6,98	-0,02	0,069
10,00	10,00	0,00	0,063

### 2. Kiểm tra độ ổn định (Test of stability)

Giá trị chuẩn (Reference value)	Giá trị đo ban đầu (Measured value at the first time)	Giá trị đo sau 1 giờ (Measured value after 1 hours)	Sai lệch sau 1 giờ (Deviation after 1 hours)
pH	pH	pH	pH
7,00	7,0	7,0	0,02

### Ghi chú (Note):

U : Độ không đảm bảo đo mở rộng với  $k = 2$  , mức tin cậy 95 %

(U : Expanded uncertainty of measurement with  $k = 2$  at 95% confidence level)

*Handwritten signature*

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No): N131.19N/0425

Tên phương tiện đo (Object): **LÒ NUNG (FURNACE)**  
Kiểu (Type): SX - 2.5 - 12  
Số hiệu (Serial N°): 1612214 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc Năm sản xuất (Year): 2016  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
- Phạm vi nhiệt độ (Range): 1600 °C (Max)  
- Bộ hiển thị nhiệt độ (Temperature display set):  
+ Chỉ thị tương tự (Analog Indicator)  
+ Vạch chia (Scale division) 20 °C  
- Kích thước bên trong (Internal dimension) (W x H x D): (200 x 120 x 80) mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: T8-T9 Phan Văn Trị, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
(Place of calibration)

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 08 : 2024 Lò nung - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration) Furnace - Methods of Calibration

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
01N/HC	Bộ đo ghi nhiệt độ hiện số Digital temperature recorder	Quatest 3	02-2026

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (27,5 ÷ 27,8) °C (53 ÷ 56) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25N/19

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

D. (Head of Metrology)

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

Lâm Quốc Dương



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): N131.19N/0425

Nhiệt độ đặt <i>Set Temperature</i> °C	Giá trị chỉ thị trung bình <i>Average Indication Value</i> °C	Giá trị trung bình chuẩn <i>Average Reference Value</i> °C	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i> °C	Độ đồng đều <i>Uniformity</i> °C	Độ ổn định/30 min <i>Stability/30 min</i> °C	Độ không đảm bảo đo <i>Uncertainty</i> °C
1000	1000	987,60	-12,4	± 3,07	± 1,30	4,82

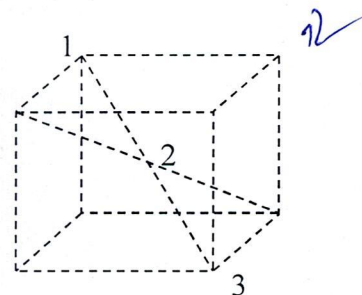
### BẢNG SỐ LIỆU (DATA TABLE)

Nhiệt độ cài đặt <i>Set Temperature</i> °C	Thời điểm kiểm tra (*) <i>(lần đo thứ j = 1, ...m)</i>	Giá trị chỉ thị <i>Indication Value</i> °C	Giá trị chuẩn, °C <i>Reference Value, °C</i>		
			Vị trí 1 (Posit 1)	Vị trí 2 (Posit 2)	Vị trí 3 (Posit 3)
1000	1	1000	983,6	989,5	989,5
	2	1000	985,8	989,0	988,5
	3	1000	985,6	989,3	988,8
	4	1000	986,1	989,6	988,8
	5	1000	984,7	987,8	988,7
	6	1000	986,0	989,6	988,3
	7	1000	983,7	989,3	988,5
	8	1000	983,9	988,0	988,5
	9	1000	985,9	990,4	988,4
	10	1000	983,8	988,8	988,2
	11	1000	983,6	989,2	988,1
	12	1000	985,8	990,0	988,3
	13	1000	984,9	990,4	988,4
	14	1000	985,9	988,1	988,8
	15	1000	984,9	990,1	988,7

(\*) : Sau khi nhiệt độ đã ổn định (*After the temperature has reached the steady state value*)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(*The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level*)



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(*This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities*)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(*This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments*)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Căn Thơ  
(*This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho*)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC : ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, Khu vực 1, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

ĐT : 0775.992665 - 0909.992665 - Email : doluongcantho@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA

CERTIFICATE OF MEASUREMENT AND TEST RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): N131.27L/0425

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY CẮT CÁNH (VÒNG LỰC)**  
Kiểu (Type): ZSZ-1  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 13127 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):  
- Khả năng đo tối đa (Capacity): 80 N.m  
- Đồng hồ so (Dial indicator):  
+ Kiểu (Type): N/A  
+ Cơ sở sản xuất (Manufacturer): China  
+ Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
+ Giá trị vạch chia (Division): 0,01 mm  
+ Tem hiệu chuẩn (Label): N131.25L/27A  
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Nơi thực hiện: T8-T9 Phan Văn Trị, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
(Place of inspection)  
Phương pháp thực hiện: Đo trực tiếp  
(Method of inspection)  
Môi trường thực hiện (Inspection environment): (28,7 ÷ 28,9) °C  
Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)  
Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)  
Tem (Label): N131.25L/27A  
Ngày kiểm tra (Test day): 24-4-2025  
Ngày khuyến nghị kiểm tra tiếp theo (Recommended net test date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025  
(Date of issue)

NGƯỜI THỰC HIỆN

(Head of Metrology)

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lâm Quốc Dương**



**Nguyễn Hữu Nghị**





# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No): N131.17D/0425

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY LOS ANGELES**  
Kiểu (Type): MH-II  
Số hiệu (Serial No): 02705 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Nơi hiệu chuẩn: T8-T9 Phan Văn Trị, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
(Place of calibration)  
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 10 : 2022 Máy Los Angeles - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)  
Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)
07D/HC	Thước cặp	ĐL Cần Thơ
09D/HC	Máy đo tốc độ vòng quay	MICRO PRECISION
11D/HC	Thước cuộn	MICRO PRECISION
104K/HC	Cân kỹ thuật	ĐL Cần Thơ

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25D/17

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

D. (Head of Metrology)

K.T. **GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Nghị**

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): N131.17D/0425

Kết quả kiểm tra (Test results):

1. Trọng lượng viên bi (Ball weight):

Viên bi	Trọng lượng (g)	Viên bi	Trọng lượng (g)
1	415,22	7	453,14
2	436,25	8	451,25
3	419,28	9	436,24
4	418,56	10	437,14
5	452,62	11	436,29
6	451,23	12	438,52

2. Tốc độ vòng quay trung bình của máy, vòng/phút:

29

(The rotation speed of the machine)

3. Kích thước cơ bản của máy (Basic size of the machine):

Chiều dài lòng ống, mm

530

Đường kính trong lòng ống, mm

720

Chiều dày thành ống, mm

12,0

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No) : N131.16D/0425

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY MÀI MÒN** (Abrasive machine)  
Kiểu (Type): N/A Số hiệu (Serial No): 02724  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam Năm sản xuất (Year): N/A  
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Nơi hiệu chuẩn: T8-T9 Phan Văn Trị, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
(Place of calibration)  
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 21 : 2022 Máy mài mòn - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)  
Chuẩn được sử dụng (Standards used) :

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)
09D/HC	Máy đo tốc độ vòng quay	MICRO PRECISION

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment) : (29,4 ÷ 29,6) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment) :  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results) : Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label) : N131.25D/16

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) : 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date) : 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)

**KT. GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHỤ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Nghị**

*(Signature)*

**Lâm Quốc Dương**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): N131.16D/0425

Giá trị cài đặt vòng/phút	Giá trị chuẩn vòng/phút	Sai số vòng/phút
30	29	1

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

*(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)*

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

*(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)*

Trang:  
(No of Paper)

2/12

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
*(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)*



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No): N131.23N/0425

Tên phương tiện đo (Object): **TỦ SẤY (DRY OVEN)**

Kiểu (Type): 101-2

Mã nhận dạng (ID): N/A

Số hiệu (Serial No): 10943

Năm sản xuất (Year): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi nhiệt độ (Range): 300 °C (Max)

(Specifications) - Giá trị độ chia (Division value): 10 °C

- Bộ hiển thị nhiệt độ (Temperature display set): Chỉ thị tương tự (Analog Indicator)

- Kích thước bên trong (Internal dimension) (W x D x H) (450 x 550 x 550) mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: Số 6, đường số 4, KĐT Cần Tiên, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang

(Place of calibration)

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 03: 2024 Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration) (Thermal Chamber - Calibration procedure)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
07N/HC	Bộ đo nhiệt độ đa kênh (Digital temperature recorder)	Quatest 2	02-2026

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,4 ÷ 28,5) °C (65 ÷ 67) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25N/23

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

D. (Head of Metrology)

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

Lâm Quốc Dương



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): N131.23N/0425

Nhiệt độ đặt (Set Temperature) °C	Giá trị chỉ thị trung bình (Average Indication Value) °C	Giá trị chuẩn trung bình (Average Reference Value) °C	Số hiệu chỉnh (Correction) °C	Độ đồng đều (Uniformity) °C	Độ ổn định/30 min (Stability/30 min) °C	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) °C
105	105,0	105,28	0,28	± 0,48	± 0,40	1,4

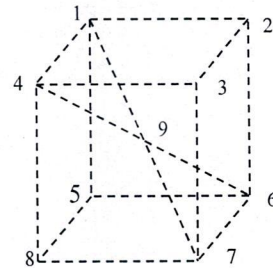
BẢNG SỐ LIỆU (DATA TABLE)

Nhiệt độ đặt (Set Temperature) °C	Thời điểm kiểm tra (*) (lần đo thứ j = 1, ... n)	Giá trị chỉ thị (Indication Value) °C	Giá trị chuẩn, °C (Reference Value, °C)								
			Vị trí 1 (Posit 1)	Vị trí 2 (Posit 2)	Vị trí 3 (Posit 3)	Vị trí 4 (Posit 4)	Vị trí 5 (Posit 5)	Vị trí 6 (Posit 6)	Vị trí 7 (Posit 7)	Vị trí 8 (Posit 8)	Vị trí 9 (Posit 9)
105	1	105,0	105,90	105,30	105,20	105,21	105,75	105,09	105,35	105,13	105,12
	2	105,0	105,25	105,30	105,15	105,51	105,35	105,04	105,25	105,13	105,12
	3	105,0	105,30	105,25	105,25	105,16	105,10	105,09	105,55	105,23	105,22
	4	105,0	105,25	105,20	105,20	105,16	105,25	105,04	105,30	105,43	105,22
	5	105,0	105,60	105,25	105,15	105,21	105,10	105,09	105,35	105,18	105,12
	6	105,0	105,25	105,20	105,25	105,16	105,55	105,04	105,35	105,53	105,22
	7	105,0	105,40	105,30	105,25	105,21	105,10	105,09	105,30	105,43	105,17
	8	105,0	105,25	105,60	105,15	105,16	105,15	105,09	105,25	105,43	105,12
	9	105,0	105,20	105,40	105,25	105,31	105,15	104,99	105,25	105,13	105,17
	10	105,0	105,40	105,50	105,15	105,51	105,10	105,69	105,35	105,18	105,22
	11	105,0	105,60	105,30	105,55	105,61	105,15	104,99	105,25	105,23	105,62
	12	105,0	105,20	105,20	105,45	105,21	105,10	105,19	105,35	105,13	105,92
	13	105,0	105,30	105,20	105,65	105,81	105,15	104,99	105,75	105,13	105,22
	14	105,0	105,25	105,30	105,25	105,11	105,15	105,39	105,65	105,18	105,12
	15	105,0	105,30	105,25	105,15	105,21	105,15	104,99	105,95	105,13	105,12

(\*) : Sau khi nhiệt độ đã ổn định (After the temperature has reached the steady state value)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)



Mặt trước: mặt phẳng (4,8,7,3)

Front surface of (4.8.7.3)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**

**CALIBRATION CERTIFICATE**

Số (No): N131.18N/0425

Tên phương tiện đo (Object): **TỦ SẤY (MÁY VỆT HĂNG BÁNH XE)**  
Kiểu (Type): LHCZ-8 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Số hiệu (Serial No): 231113 Năm sản xuất (Year): 2023  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi nhiệt độ (Range): 90 °C (Max)  
(Specifications) - Giá trị độ chia (Division value): 0,1 °C  
- Bộ hiển thị nhiệt độ (Temperature display set): Chỉ thị hiện số (Digital Indicator)  
- Kích thước bên trong (Internal dimension) (W x D x H): (90 x 52 x 15) cm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Nơi hiệu chuẩn: T8-T9 Phan Văn Trị, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
(Place of calibration)

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 03: 2024 Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration) (Thermal Chamber - Calibration procedure)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
07N/HC	Bộ đo nhiệt độ đa kênh (Digital temperature recorder)	Quatest 2	02-2026

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,6 ÷ 28,8) °C (57 ÷ 58) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): N131.25N/18

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

P. **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

D. (Head of Metrology)

*(Signature)*

**Lâm Quốc Dương**

K.T. **GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHỤ GIÁM ĐỐC**



*(Signature)*  
**Nguyễn Hữu Nghị**



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): N131.18N/0425

Nhiệt độ đặt (Set Temperature) °C	Giá trị chỉ thị trung bình (Average Indication Value) °C	Giá trị chuẩn trung bình (Average Reference Value) °C	Số hiệu chỉnh (Correction) °C	Độ đồng đều (Uniformity) °C	Độ ổn định/30 min (Stability/30 min) °C	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) °C
50	50,0	50,38	0,38	± 0,33	± 0,29	0,7

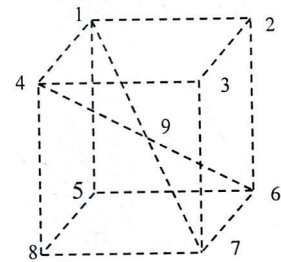
BẢNG SỐ LIỆU (DATA TABLE)

Nhiệt độ đặt (Set Temperature) °C	Thời điểm kiểm tra (*) (lần đo thứ j = 1, ...n)	Giá trị chỉ thị (Indication Value) °C	Giá trị chuẩn, °C (Reference Value, °C)								
			Vị trí 1 (Posit 1)	Vị trí 2 (Posit 2)	Vị trí 3 (Posit 3)	Vị trí 4 (Posit 4)	Vị trí 5 (Posit 5)	Vị trí 6 (Posit 6)	Vị trí 7 (Posit 7)	Vị trí 8 (Posit 8)	Vị trí 9 (Posit 9)
50	1	50,0	50,55	50,44	50,36	50,39	50,45	50,24	50,38	50,33	50,35
	2	50,0	50,48	50,49	50,41	50,45	50,69	50,37	50,57	50,62	50,37
	3	50,0	50,19	50,66	50,53	50,47	50,61	50,59	50,59	50,59	50,37
	4	50,0	50,25	50,47	50,18	50,37	50,21	50,28	50,23	50,20	50,53
	5	50,0	50,19	50,48	50,10	50,31	50,21	50,17	50,27	50,20	50,56
	6	50,0	50,19	50,71	50,10	50,17	50,13	50,21	50,19	50,30	50,59
	7	50,0	50,19	50,74	50,10	50,19	50,21	50,13	50,27	50,32	50,48
	8	50,0	50,22	50,55	50,14	50,09	50,13	50,16	50,49	50,40	50,37
	9	50,0	50,19	50,47	50,10	50,09	50,33	50,28	50,37	50,40	50,55
	10	50,0	50,19	50,50	50,14	50,17	50,30	50,30	50,27	50,20	50,47
	11	50,0	50,22	50,47	50,10	50,17	50,21	50,16	50,19	50,20	50,55
	12	50,0	50,69	50,74	50,40	50,47	50,64	50,40	50,76	50,41	50,45
	13	50,0	50,70	50,73	50,58	50,41	50,53	50,64	50,47	50,42	50,54
	14	50,0	50,46	50,67	50,51	50,42	50,60	50,48	50,53	50,45	50,38
	15	50,0	50,36	50,66	50,36	50,59	50,41	50,36	50,52	50,51	50,35

(\*) : Sau khi nhiệt độ đã ổn định (After the temperature has reached the steady state value)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)



Mặt trước: mặt phẳng (4,8,7,3)  
Front surface of (4,8,7,3)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 217.04L/0425

Tên phương tiện đo (Object): **KÍCH THỦY LỰC**

(HYDRAULIC CYLINDERS)

Kiểu (Type): HT-120

Số hiệu (Serial N°): 1408A

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Khả năng tạo tải tối đa (Capacity): 220 kN

- Bộ bơm thủy lực: + Kiểu (Type): N/A + Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

(Set of hydraulic pump) + Số hiệu (Serial N°): N/A

- Đồng hồ đo áp suất: + Kiểu (Type): Lò xo ống + Nơi sản xuất (Manufacturer): Micro

(Pressure gauge) + Số hiệu (Serial N°): 142771E

+ Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 60) Mpa

+ Giá trị vạch chia (Division): 0,2 Mpa

+ Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 217.25L/04A

Cơ sở sử dụng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer)

Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi Hiệu chuẩn:

**CN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Place of Calibration)

Số 6, đường số 4, KĐT Cồn Tiên, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 06 : 2022 Kích thủy lực, máy (dàn) ép cọc thủy lực - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Description)

Liên kết chuẩn (Traceability)

Hiệu Lực (Due Date)

04L/HC

Load cell 300 kN

VMI

7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,4 ÷ 28,5) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)

Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 217.25L/04

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date):

24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

*K.T.* **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)

*K.T.* **GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



VILAS 1265

*KS. Nguyễn Tiên Lâm*



*Nguyễn Hữu Nghị*

Trang:  
(No of Paper)

4/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): 217.04L/0425

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) Mpa	Giá trị tính toán. (Calculated value) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal. device) kN	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0	/	0,000	/
10	38,759	39,850	1,41
15	58,044	58,602	1,00
20	77,329	77,048	1,00
25	96,614	95,453	1,00
30	115,899	115,264	1,00
35	135,184	134,665	1,00
40	154,469	154,457	1,00
45	173,754	174,604	1,00
50	193,039	193,329	1,00

- Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation):  $y = 3,857x + 0,189$

Với (With): y: Giá trị tính toán, kN

(y: Calculated value, kN)

x: Giá trị đọc trên phương tiện đo, Mpa

(x: Reading on tester, Mpa)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No) : 217.11D/0425

Tên phương tiện đo (Object) : **CẦN BENKELMAN (BENKELMAN BEAM)**

Kiểu (Type) : N/A

Số hiệu (Serial No): 71211

Năm sản xuất (Year): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer) : Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications) :

+ Đồng hồ so (Dial indicator) : - Kiểu (Type): N/A

- Cơ sở sản xuất (Manufacturer): China

- Số hiệu (Serial No): 15228

- Phạm vi đo (Measuring range) : ( 0 đến(to) 10 ) mm

- Giá trị vạch chia (Division): 0,01 mm

- Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 217.25D/11A

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Place of calibration) Số 6, đường số 4, KĐT Cồn Tiên, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 09 : 2022 Cần Benkelman - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used) :

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Equipment)

Liên kết chuẩn (Traceability)

Hiệu lực (Due Date)

08D/HC

Đồng hồ so 50mm

ĐL Cần Thơ

11-2025

(Dial indicator 50mm)

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment) : (29,5 ÷ 29,7) °C

Kết quả (Results) : Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label) : 217.25D/11

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) : 24-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date) : 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

K.T. **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)

K.T. **GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Nghị**

**KS. Nguyễn Tiên Lâm**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 217.11D/0425

Kết quả (Results):

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)  $y = 1,952 x$

Với (With) : y : Giá trị tính toán (Calculated value), mm

x : Giá trị đọc trên đồng hồ so (Reading value), mm

Tỷ số truyền của cần (Beam fulcrum ratio) : 1,952 : 1

Độ không đảm bảo đo mở rộng với  $k = 2$ , mức tin cậy 95% :  $U = 1,42$  % giá trị tính toán

(Expanded uncertainty of measurement with  $k = 2$ , at 95% confidence level):  $U = 1,42$  % Calculated value

*[Handwritten signature]*

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 217.03L/0425

Tên phương tiện đo (Object): **KÍCH THỦY LỰC**

(HYDRAULIC CYLINDERS)

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 1403164

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): N/A

Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Khả năng tạo tải tối đa (Capacity): 120 kN

- Bộ bơm thủy lực: + Kiểu (Type): N/A + Nơi sản xuất (Manufacturer): N/A

(Set of hydraulic pump) + Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): N/A

- Đồng hồ đo áp suất: + Kiểu (Type): Lò xo ống + Nơi sản xuất (Manufacturer): YAMAKI

(Pressure gauge) + Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 22517

+ Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 600) kg/cm<sup>2</sup>

+ Giá trị vạch chia (Division): 10 kg/cm<sup>2</sup>

+ Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 217.25L/03A

Cơ sở sử dụng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer)

Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi Hiệu chuẩn:

**CN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Place of Calibration)

Số 6, đường số 4, KĐT Cồn Tiên, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện:

ĐLCT 06 : 2022 Kích thủy lực, máy (dàn) ép cọc thủy lực - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Description)

Liên kết chuẩn (Traceability)

Hiệu Lực (Due Date)

04L/HC

Load cell 300 kN

VMI

7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,3 ÷ 28,5) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)

Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 217.25L/03

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 29-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 29-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

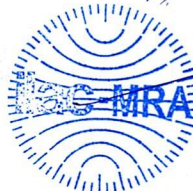
**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)

**K.T. GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



VILAS 1265



**KS. Nguyễn Tiên Lâm**

**Nguyễn Hữu Nghị**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): 217.03L/0425

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) kg/cm <sup>2</sup>	Giá trị tính toán (Calculated value) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal. device) kN	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0	/	0,000	/
100	18,326	17,599	2,55
150	28,446	27,862	1,83
200	38,566	37,806	1,71
250	48,686	48,316	1,48
300	58,806	58,724	1,41
350	68,926	68,192	1,46
400	79,046	78,913	1,38
450	89,166	89,535	1,38
500	99,286	100,530	1,46

- Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation):  $y = 0,2024x - 1,9138$

Với (With): y: Giá trị tính toán, kN

(y: Calculated value, kN)

x: Giá trị đọc trên phương tiện đo, kg/cm<sup>2</sup>

(x: Reading on tester, kg/cm<sup>2</sup>)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 217.06D/0425

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**  
Kiểu (Type): No.3058s - 19  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): HCF 323 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Mitutoyo Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
- Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm  
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn**  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,3 ÷ 25,5) °C (58 ÷ 61) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 217.25D/06

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 25-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 25-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)



VILAS 1265

KS. Nguyễn Tiên Lâm

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)

112

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 217.06D/0425

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	7 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	6 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	4 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 217.07D/0425

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**  
Kiểu (Type): No.3058s - 19  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): HCF 395 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Mitutoyo Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
- Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm  
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,2 ÷ 25,3) °C (58 ÷ 60) %RH  
Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 217.25D/07

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 25-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 25-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

 **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)



VILAS 1265

**KS. Nguyễn Tiên Lâm**

 **GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Nghị**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 217.07D/0425

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	6 μm
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-5 μm
1/2 vòng (circle)	:	-4 μm
1 vòng (circle)		4 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	6 μm
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	2 μm
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 μm
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 μm

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 217.08D/0425

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**  
Kiểu (Type): No.3058s - 19  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): HCF 327 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Mitutoyo Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
- Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm  
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn**  
(Method of calibration)

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,1 ÷ 25,3) °C (57 ÷ 58) %RH  
Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 217.25D/08

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 25-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 25-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

K.S. **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)



VILAS 1265

K.S. **Nguyễn Tiên Lâm**

K.T. **GIÁM ĐỐC**

(Director)



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Nghị**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 217.08D/0425

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	5 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	7 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	6 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	3 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 217.09D/0425

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**

Kiểu (Type): No.3058s - 19

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): HCF 328 Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Mitutoyo Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
 - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm  
 - Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,2 ÷ 25,3) °C (56 ÷ 57) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 217.25D/09

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 25-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 25-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)



VILAS 1265

KS. Nguyễn Kiên Lâm

GIÁM ĐỐC

(Director)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)

4/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 217.09D/0425

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	7 µm
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	6 µm
1/2 vòng (circle)	:	7 µm
1 vòng (circle)	:	7 µm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	6 µm
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	3 µm
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 µm
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 µm

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

*Handwritten signature*

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

212

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doloongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 217.05L/0425

Tên phương tiện đo (Object): **KÍCH THỦY LỰC**

(HYDRAULIC CYLINDERS)

Kiểu (Type): HT-150

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 665-6

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Năm sản xuất (Year): 2018

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Khả năng tạo tải tối đa (Capacity): 1000 kN

- Bộ bơm thủy lực: + Kiểu (Type): N/A + Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

(Set of hydraulic pump) + Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): N/A

- Đồng hồ đo áp suất: + Kiểu (Type): Lò xo ống + Nơi sản xuất (Manufacturer): EXCEL

(Pressure gauge) + Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 215142L

+ Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 60) Mpa

+ Giá trị vạch chia (Division): 0,2 Mpa

+ Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 217.25L/05A

Cơ sở sử dụng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer)

Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi Hiệu chuẩn:

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**

(Place of Calibration)

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện:

ĐLCT 06 : 2022 Kích thủy lực, máy (dàn) ép cọc thủy lực - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Description)

Liên kết chuẩn (Traceability)

Hiệu Lực (Due Date)

05L/HC

Load cell 1000 kN

VMI

7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,4 ÷ 28,5) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)

Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 217.25L/05

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 29-4-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 29-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

K. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)

K. GIÁM ĐỐC

(Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



VILAS 1265

KS. Nguyễn Kiên Lâm



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): 217.05L/0425

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) Mpa	Giá trị tính toán (Calculated value) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal. device) kN	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0	/	0,00	/
10	203,55	206,69	1,00
15	301,43	304,87	1,00
20	399,31	400,86	1,00
25	497,19	500,02	1,00
30	595,07	599,41	1,00
35	692,95	693,16	1,00
40	790,83	789,09	1,00
42	829,98	824,30	1,00
45	888,71	888,38	1,00

- Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation):  $y = 19,5761x + 7,7844$

Với (With):  
y: Giá trị tính toán, kN  
(y: Calculated value, kN)  
x: Giá trị đọc trên phương tiện đo, Mpa  
(x: Reading on tester, Mpa)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%  
(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

gh

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 217.10K/0425

Tên phương tiện đo (Object): **Cân đĩa**  
Kiểu (Type): BC30  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 8025420011 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Ohaus Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
- Mức cân lớn nhất (Max. capacity): 30 kg  
- Mức cân nhỏ nhất (Min. capacity): 0,02 kg  
- Giá trị độ chia (Division): 0,001 kg

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Nơi hiệu chuẩn: **CN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Place of calibration) Số 6, đường số 4, KĐT Cồn Tiên, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang  
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 07 : 2022 Cân cấp chính xác III - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration) (Balance of class III - Calibration procedure)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
(02 ÷ 03)K/HC	Bộ quả cân chuẩn (Set of weights)	F <sub>1</sub> Trung Tâm Đo Lường - ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (27,5 ÷ 27,8) °C (56 ÷ 58) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 217.25K/10

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

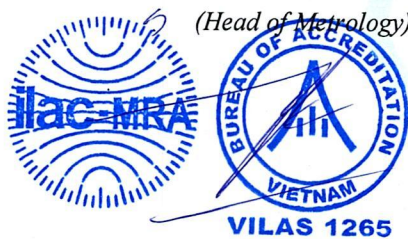
Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

K.T. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)



VILAS 1265

KS. Nguyễn Tiến Lâm

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (No): 217.10K/0425

### 1. Độ lặp lại (Repeatability):

Mức cân (Load), kg	Độ lệch chuẩn (Standard deviation of reading), kg
15	0,0005
30	0,0000

### 2. Độ lệch tâm (Eccentricity):

Mức cân (Load), kg	10				
Vị trí đặt tải (Load position)	G	1	2	3	4
Sai lệch (difference), kg	0,000	0,000	0,001	0,000	0,001
Lệch tâm lớn nhất (Maximum difference), kg	0,001				

Sơ đồ (Sketch):

☒

### 3. Độ đúng (Accuracy):

Mức cân (Load), kg	Gía trị đọc mức cân (Balance Reading), kg	Số hiệu chỉnh (Correction), kg	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), g
0,02	0,020	0,000	1,4
1	1,000	0,000	1,4
2	2,000	0,000	2,2
5	5,000	0,000	2,2
10	9,999	0,001	2,2
20	19,999	0,001	4,1
30	29,999	0,001	8,2

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo OIML R 76-1 : 2006. Cấp chính xác III  
(This Instrument has been calibrated complying with OIML R 76-1:2006. Accuracy class III)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%  
(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 217.02L/0425

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY THỬ NÉN** (COMPRESSION TESTING MACHINE)

Kiểu (Type): TYA-2000

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 479

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China

Năm sản xuất (Year): 2010

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): + Khả năng đo tối đa (Capacity): 2000 kN

+ Giá trị độ chia (Division): 0,01 kN (0 ÷ 999) kN

+ Giá trị độ chia (Division): 0,1 kN (1000 ÷ 2000) kN

+ Chỉ thị hiện số (Digital Indicator):

Cơ sở sử dụng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Customer)

Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn:

**CN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**

(Place of calibration)

Số 6, đường số 4, KĐT Cần Tiên, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện:

ĐLVN 109 : 2002 Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Description)

Liên kết chuẩn (Traceability)

Hiệu lực (Due Date)

06L/HC

Load Cell 3000 kN

VMI

7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (29,5 ÷ 29,7) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment):

Không (No)

Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 217.25L/02

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 24-4-2025

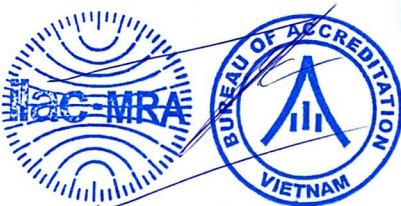
Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date) 24-4-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)



VILAS 1265

KS. Nguyễn Tiến Lâm

KT. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:

(No of Paper)

4/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ

(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 217.02L/0425

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal.device) kN	Sai số tương đối (Relative error) %	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0,00	0,00	/	/
200,00	201,16	-0,58	0,5
400,00	402,00	-0,50	0,5
600,00	602,08	-0,34	0,5
800,00	801,28	-0,16	0,5
1000,0	1002,10	-0,21	0,5
1200,0	1202,58	-0,21	1,0
1400,0	1402,77	-0,20	1,0
1600,0	1599,54	0,03	1,0
1800,0	1802,42	-0,13	1,0

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo ĐLVN 109:2002. Cấp chính xác 1

(This Instrument has been calibrated complying with ĐLVN 109:2002. Accuracy class 1)

- Sai số cho phép:  $\pm 1\%$  giá trị đọc.

(Permitted error:  $\pm 1\%$  reading value).

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

*DL*

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 217.01L/0425

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY THỬ KÉO NÉN (UNIVERSAL TESTING MACHINE)**  
Kiểu (Type): **KD-600**  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): **70406** Mã nhận dạng (ID): **N/A**  
Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam** Năm sản xuất (Year): **2007**  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
- Khả năng đo tối đa (Capacity): **600 kN**  
- Chỉ thị đồng hồ (Analogue Indicator):  
+ Thang đo (Measuring range): **(0 ÷ 600) kN** Giá trị độ chia (Division): **2 kN**

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Customer) Số 15/15 Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Nơi hiệu chuẩn: **CN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU**  
(Place of calibration) Số 6, đường số 4, KĐT Cồn Tiên, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang  
Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 109 : 2002 Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn**  
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
05L/HC	Load Cell 1000 kN	VMI	7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): **(29,5 ÷ 29,8) °C**

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): **Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)**

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): **217.25L/01**

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): **24-4-2025**

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): **24-4-2026**

**Tp. Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2025**

(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)



**VILAS 1265**

**KS. Nguyễn Tiên Lâm**

**KT. GIÁM ĐỐC**

(Director)



**Nguyễn Hữu Nghị**

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 217.01L/0425

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester</i> kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on cal.device</i> kN	Sai số tương đối <i>Relative error</i> %	Độ không đảm bảo đo <i>Uncertainty</i> %
Thang (Range): 600 kN			
0	0,00	/	/
100	100,44	-0,43	0,50
150	151,31	-0,87	0,50
200	201,76	-0,87	0,50
250	251,66	-0,66	0,50
300	301,92	-0,64	0,50
350	352,66	-0,76	0,50
400	402,03	-0,50	0,50
450	453,23	-0,71	0,50
500	503,23	-0,64	0,50

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo ĐLVN 109:2002. Cấp chính xác 1

(*This Instrument has been calibrated complying with ĐLVN 109:2002. Accuracy class 1*)

- Sai số cho phép:  $\pm 1\%$ .

(*Permitted error:  $\pm 1\%$* ).

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(*The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level*)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(*This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities*)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(*This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments*)

Trang:  
(No of Paper)

212

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(*This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho*)